TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 12/2020/TB-TA ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố B), phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố B), phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; hiện đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (bà G là mẹ của anh H); có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 29-9-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn năm 2002, tại UBND xã B1, thị xã Đ1 (nay là phường B1, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, chị biết anh H có những biểu hiện không bình thường về tâm thần nhưng nghĩ sẽ không ảnh hưởng đến cuộc sống. Sau khi kết hôn, chị thấy anh H ngày càng có nhiều hành vi bất thường như hay đập phá đồ đạc, đánh người xung quanh một cách vô cớ. Đến khoảng năm 2009, khi chị đang mang thai con thứ hai, anh H đã đánh đập chị nhiều lần nhưng vì gia đình, con cái nên chị vẫn chịu đựng. Do anh H bị bệnh ngày càng nặng nên gia đình đã đưa anh H đi điều trị nhiều lần nhưng tình trạng tâm thần của anh H vẫn không biến chuyển. Từ năm 2013 cho đến nay, anh H điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng (sau đây, viết tắt là Trung tâm Điều dưỡng). Thỉnh thoảng, người thân của anh H đón anh H về nhà khoảng một tháng rồi lại đưa vào Trung tâm điều trị. Khi về nhà, anh H vẫn thường xuyên gây gổ với chị, nhiều khi còn đánh chị, bóp cổ chị. Gia đình anh H không thông cảm, chia sẻ với chị mà còn nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác. Trong khi đó, một mình chị phải làm việc vất vả lo cho chồng, con. Do đó, khoảng từ tháng 8-2019, chị đã chuyển ra ngoài sinh sống. Chị thấy không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa vì có thể bị đánh đập bất cứ lúc nào, cuộc sống chung như vậy sẽ làm chị bị tổn thương cả về tinh thần và sức khỏe, ảnh hưởng đến sự phát triển của các con. Tại Quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21-01-2020, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn đã tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Nay, chị thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Quang Trung Đ, sinh ngày 14-11-2003 và Nguyễn Thị Dịu L, sinh ngày 14-9-2009. Hiện nay, chị làm nghề phụ xây, có thu nhập ổn định khoảng 7.500.000 đồng/tháng; có chỗ ở tại tổ dân phố B, phường B1 nên đảm bảo cho việc nuôi con. Anh H bị bệnh vẫn đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng. Do vậy, chị nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản bản làm việc ngày 02-11-2020, bị đơn là anh H trình bày: Anh và chị T kết hôn từ thời gian nào anh cũng không nhớ rõ. Do anh bị bệnh nên gia đình đưa đi điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng; đến nay, sức khỏe ổn định. Việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không có ý kiến gì. Anh và anh chị T có 02 con chung là Nguyễn Quang Trung Đ, sinh ngày 14-11-2003 và Nguyễn Thị Dịu L, sinh ngày 14-9-2009. Anh mong muốn được nuôi cả hai con, mẹ anh sẽ thay anh chăm sóc các con cho anh. Về vấn đề tài sản của anh và chị T, mẹ anh sẽ thay anh có ý kiến cụ thể.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H là bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Anh H và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bệnh cũ của anh H tái phát, ngày càng có những biểu hiện bất thường, hay đập phá đồ đạc sinh hoạt trong gia đình, đánh đập vợ, con và hàng xóm. Từ năm 2013, gia đình đã đưa anh H điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng. Vì thế anh H và chị T đã sống ly thân cho đến thời điểm hiện nay. Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*". Hiện tại, giữa anh H và chị T không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chung sống nên mục đích để xây dựng một gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do đó, bà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết yêu cầu của chị T theo quy định của pháp luật.

Các con của anh H và chị T là cháu Đ và cháu L hiện đang sống cùng bà nội là Nguyễn Thị G. Mặc dù anh H mong muốn được nuôi cả hai con nhưng lại đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng nên không đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Người đại diện hợp pháp của anh H là bà G cho biết, bà đã già, sức khỏe yếu nên không đủ điều kiện để nuôi hai cháu; nếu chị T nhận nuôi cả hai con và cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người mẹ thì bà cũng đồng ý giao các cháu cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ý kiến của bà G. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh H trình bày: Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H thì bà không có ý kiến. Bà đề nghị Tòa án giao cháu Đ và cháu L cho chị T nuôi dưỡng vì anh H không đủ điều kiện nuôi con, gia đình bà cũng không đủ điều kiện kinh tế để nuôi các cháu nhưng sẽ hỗ trợ chị T để chăm sóc, dạy dỗ các cháu.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Từ khoảng đầu năm 2019, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H không còn hạnh phúc. Anh H bị bệnh tâm thần dẫn đến có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Đã nhiều năm nay, mỗi khi bệnh tái phát, anh H thường không điều khiển được hành vi của mình nên có chửi bới và đánh đập chị T. Từ khoảng tháng 08 năm 2019 đến nay, chị T và anh H không còn chung sống với nhau nữa, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Trong thời gian này, cháu Đ và cháu L vẫn ở nhà riêng của anh H và chị T, được bố, mẹ anh H nuôi dưỡng. Chị T vẫn về chăm sóc và đóng tiền học cho các con. Cháu Đ có nguyện vọng ở cùng anh H, cháu L có nguyện vọng ở cùng chị T sau khi chị T và anh H ly hôn. Hiện nay, chị T làm nghề lao động tự do, có chỗ ở và thu nhập ổn định.

Do anh H vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh H theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, bà G, với tư

cách là người đại diện hợp pháp của anh H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung hoặc nợ chung giữa chị T và anh H để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên thường có hành vi gây gổ, đánh đập chị T. Do đó, từ khoảng tháng 8 năm 2019 đến nay, chị T và anh H đã sống ly thân, không còn quan đến đến nhau, việc ai người đó làm, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Việc chị T sống ly thân anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không còn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh H không đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Đ và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh H đến khi hai bên có thỏa thuận khác.

Về tài sản chung: Theo Quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21-01-2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, bà G là người giám hộ cho anh H. Trong quá trình tố tụng, bà G là đại diện hợp pháp của anh H. Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung của anh H và chị T nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Quang H; cư trú tại: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố B), phường B1, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo Quyết định tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21-01-2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn đối với anh H, bà Nguyễn Thị G (là mẹ của anh H) được Tòa án chỉ định là người giám hộ cho anh H. Theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Dân sự, bà G sẽ là đại diện theo pháp luật của anh H tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về hôn nhân:

[3] Chị Hoàng Thị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ (nay là phường B, quận Đ), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 28-11-2002. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Chị T và anh H kết hôn từ tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn một thời gian, anh H có nhiều hành vi bất thường như hay đập phá đồ đạc, đánh người xung quanh một cách vô cớ. Anh H bị bệnh tâm thần dẫn đến có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Đã nhiều năm nay, mỗi khi bệnh tái phát, anh H thường không điều khiển được hành vi của mình nên có chửi bới và đánh đập chị T. Từ năm 2013 đến nay, anh H điều trị bệnh tại Trung tâm Điều dưỡng. Từ khoảng tháng 08 năm 2019 đến nay, chị T và anh H không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Xét thấy, chị T không còn tình cảm với anh H; hai bên không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Quang Trung Đ, sinh ngày 14-11-2003 và Nguyễn Thị Dịu L, sinh ngày 14-9-2009. Xét thấy, hiện nay, anh H vẫn đang điều trị bệnh tại Trung tâm Điều dưỡng, không có đủ điều kiện để nuôi con; chị T có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy các con; việc giao cháu Đ và cháu L cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị T; giao cháu Đ và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T, anh H và người đại diện hợp pháp cho anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đại diện hợp pháp là bà G có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, chị T, anh H và bà G đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Quang Trung Đ, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Dịu L, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ và cháu L đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Hoặc cho đến khi chị T và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0007139 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh H và bà Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Sự **Lê Thị Mai Hương** **Vũ Trọng Đạt**